ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:1073 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 25 tháng 07 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án: Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐUBND ngày 09/7/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐUBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tại Tờ trình số 54/TTr-BQLDADDCN ngày 06/7/2023; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 167/TTr-SXD ngày 21/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng Trường cao đẳng miền núi Bắc Giang, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng nghề miền núi Bắc Giang nhằm đáp ứng đầy đủ, hoàn thiện cơ sở vật chất, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững vùng nghèo, vùng khó khăn về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, khó khăn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1. Quy mô đầu tư:

Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang bao gồm các hạng mục: Mở rộng diện tích trường thêm 0,32ha; xây dựng nhà lớp học, các phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ cụ thể như sau:

- Phạm vi của dự án: Diện tích của cả dự án là 2,36ha, trong đó gồm: Diện tích hiện trạng của trường là 1,61ha; diện tích mở rộng là 0,32ha; diện tích hoản trả (nắn dòng chảy suối) là 0,43ha.

- Tổng mặt bằng sau mở rộng: Tổng diện tích xây dựng các hạng mục của Trường cao đẳng miền núi Bắc Giang sau mở rộng là 5.605m2 (hiện trạng 830m2, xây dựng mới 4.775m2); mật độ xây dựng 29,04%; hệ số sử dụng đất 0,91; tổng diện tích sàn xây dựng 17.505m^2 (trong đó: Hiện trạng 3.230m2, xây dựng mới 14.275m^2), bố trí các hạng mục gồm: Xây dựng khối nhà lớp học và các phòng học bộ môn; hạ tầng ngoài nhà và các hạng mục phụ trợ.

- Xây dựng khối nhà lớp học và các phòng học bộ môn (gồm 48 phòng học, trong đó có 40 phòng học văn hóa và 08 phòng học bộ môn), cao 04 tầng, với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 6.650m^2. Công trình thiết kế theo tiêu chuẩn nhà cấp III. Kết cấu dầm, sàn, khung, móng bê tông cốt thép; tường xây bằng gạch; mái lợp tôn chống nóng; hoàn thiện trát, sơn, ốp lát, lắp đặt hệ thống cửa, hệ thống điện, nước, chống sét, mạng thông tin liên lạc, PCCC, chống mối,... hoàn chỉnh, đồng bộ đảm bảo theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và các hạng mục phụ trợ: San nền, kè, tường rào, điều chỉnh dòng suối, sân, đường nội bộ, nhà để xe, nâng cấp đường dây và lắp đặt

trạm biến áp mới, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, bể nước, trạm bơm, hệ thống PCCC, thiết bị thiết yếu kèm theo…

4.2.2. Giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Nhà lớp học và các phòng bộ môn:

- Kiến trúc: Nhà lớp học và các phòng học bộ môn: Mặt bằng nhà xây dựng hình chữ U với chiều dài 2 cạnh bên dài 46,5m, chiều dài cạnh giữa dài 77,9m, bước gian 4,5m, khẩu độ 7,5m chiều cao các tầng là 3,6m hành lang trước rộng 2,4m. Khối nhà bố trí 3 khu cầu thang và 2 khu vệ sinh chung. Công trình gồm 4 tầng, các tầng cao 3,6m, chiều cao công trình 18,6m (từ cos sân hoàn thiện tới đỉnh mái). Giao thông theo phương đứng 03 cầu thang bộ; giao thông trong tầng bằng hành lang phía trước rộng 2,4m.

- Kết cấu: Móng cọc BTCT kết hợp dầm móng BTCT; tường móng xây gạch BTKN; kết cấu phần thân khung BTCT chịu lực đổ toàn khối, tường bao che xây gạch BTKN.

- Hoàn thiện tường, dầm, trần nhà trát vữa xi măng, sơn 3 nước. Nền nhà lát gạch Granit, sàn nhà vệ sinh lát gạch chống trơn Ceramic, cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm hệ, kính trắng an toàn dày 8,38mm. Thiết kế hệ thống điện, cấp thoát nước, chống sét, chống mối, mạng LAN, PCCC đồng bộ hoàn chỉnh.

b) Các hạng mục phụ trợ:

- San nền: San nền bằng đất cấp 3; diện tích san nền 3.094m2, cao độ thiết kế từ +16.09m đến +16.60m, độ chặt K≥0,90.

- Kè, tường rào: Kè kích thước rộng khoảng 1,35m, chiều dài khoảng 200m kết cấu kè bê tông xi măng M200; Phần thân được thiết kế bố trí các ống PVC D50 thoát nước nền tránh ảnh hưởng đến kết cấu tường chắn; Kè thiết kế bố trí các khe lún, cứ 10m dài bố trí một khe. Tường rào hoa sắt chiều dài khoảng 205m.

- Điều chỉnh dòng suối: Đào cải tạo dòng suối với tổng chiều dài khoảng 150m, diện tích mở rộng bề mặt suối khoảng 9,75m^2.

- Sân, đường: Phần đường nội bộ bên trong có diện tích khoảng 2.463m^2 kết cấu gồm 01 lớp bê tông nhựa asphalt dày 7cm, 01 lớp cấp phối đá dăm dày 30cm. Phần sân có diện tích 1.678m^2 kết cấu lát gạch bê tông giả đá, nền bê tông xi măng M150 dày 10cm.

- Nhà xe: Nhà xe xây mới kích thước 40x5m có kết cấu móng đơn bê tông cốt thép mác 200; kết cấu sử dụng hệ khung thép, lợp tôn.

- Hệ thống cấp nước: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế thành hai hệ thống riêng biệt. Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Máy bơm hút nước từ bể chứa bơm lên bồn nước trên mái (đường ống hút D65, đường ống đẩy D50); nước từ bồn mái cấp xuống các khu vệ sinh.

- Thoát nước: Thiết kế thoát nước cho khu vực sân và nhà xây mới bằng hệ thống rãnh B400 chiều dài khoảng 256m và cống D400 chiều dài khoảng 100m. Thành rãnh xây gạch BTKN VXM M75. Đáy rãnh bằng BT M150 dày 10cm, Thoát nước một phần thoát ra suối, một phần thoát ra hiện trạng trong khu vực.

- Hệ thống cấp điện ngoài nhà: Xây dựng mới 01 TBA công suất 630kVA,

nguồn cấp điện cho TBA lấy từ đường dây 473 trạm 110kV Cầu Gồ. Nguồn cung cấp điện cho toàn bộ công trình được lấy từ trạm biến áp cấp tới tủ điện tổng của từng hạng mục công trình và cấp tới các thiết bị điện.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm hệ thống báo cháy tự động, trong nhà bố trí các bình chữa cháy xách tay và hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Bể nước PCCC: Bể chứa nước ngầm kích thước 18x6x3,5m, đổ bê tông cốt thép toàn khối M250.

- Nhà trạm bơm: Đặt bên cạnh bể nước ngầm, mặt bằng hình vuông với kích thước một cạnh 5,0m (tính từ tim trục định vị); nhà cao 1 tầng với chiều cao tầng 3,3m. Kết cấu tường bao che xây gạch BTKN chịu lực, hoàn thiện sơn tường trong và ngoài nhà trực tiếp bằng sơn 3 nước.

- Bể xử lý nước thải: Bể xử lý nước thải 5 ngăn, kích thước 5,8x2,75x2m, thành bể đổ bê tông cốt thép, tường ngăn xây gạch.

- Ga rác: Có diện tích khoảng 100m^2.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Liên danh Công ty CP Kiến trúc Việt Bách và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Minh Long.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng (địa hình, địa chất) phục vụ lập Báo cáo NCKT: Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Thành Hưng.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất sau mở rộng 5.605m^2 (hiện trạng 830m^2, xây dựng mới 4.775m^2).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án, loại và cấp công trình: Dự án nhóm B; công trình dân dụng, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Từ 20 đến 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Kiến trúc:

- Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 06:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về án toàn cháy cho nhà và công trình.

- Quy chuẩn QCVN 05:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khoẻ.

- QCVN 02:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- Quy chuẩn QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

- TCVN 8794:2011 Trường trung học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

- Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Phần kết cấu:

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 10304:2014 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán.

- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9393:2012 Cọc. Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.

c) Phần cơ điện-ME:

- QCVN 07:2016: Quy chuẩn kĩ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 12:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

- QCVN 09:2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- QCXDVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

- TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012: Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9888:2013: Bảo vệ chống sét - Phần 1,2,3,4.

-TCVN 7447-2011: Hệ thống lắp đặt điện hạ áp.

- TCVN 9385: 2012: Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- TCVN 10296:2014: Cáp đồng trục trong mạng phân phối tín hiệu truyền hình cáp - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

- TCVN 7189:2009: Thiết bị công nghệ thông tin - Đặc tính nhiễu tần số vô tuyến.

- TCVN 6697-1:2000: Thiết bị hệ thống âm thanh.

- TCVN 6851-1:2001: Tiêu chuẩn về hệ thống phát thanh trực tiếp.

- TCVN 8688: 2011: Dịch vụ truyền hình cáp số theo tiêu chuẩn DVB - C – Tín hiệu tại điểm kết nối thuê bao - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 9373: 2012: Thiết bị trong hệ thống phân phối cáp tín hiệu truyền hình - Yêu cầu về tương thích điện từ.

- TCVN 7189: 2002: Thiết bị chuyển mạch Switch.

- TCN68- 172: 1998: Giao diện kết nối mạng -Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 5687-2010: Thông gió - Điều hoà không khí - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9310-4:2012: Phòng cháy chữa cháy - thiết bị chữa cháy;

- TCVN 9310-8:2012: Phòng cháy chữa cháy - thuật ngữ chuyên dùng cho phòng cháy chữa cháy, cứu nạn và xử lý vật liệu nguy hiểm;

- TCVN 5040:1990: Thiết bị phòng cháy và chữa cháy - Kí hiệu hình vẽ trên sơ đồ phòng cháy - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 3991:2012: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng - Thuật ngữ và định nghĩa;

- TCVN 6379-1998: Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 6102-2020: Phòng cháy, chữa cháy - Chất chữa cháy - bột;

- TCVN 2622:1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 6160:1996: Phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5738: 2021: Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 3890: 2023: Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí;

- TCVN 7336: 2021: Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết bị và lắp đặt;

-TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7957: 2008 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - Mạng lưới bên ngoài công trình.

- TCXDVN 33:2006 Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình.

- TCVN 7957:2008 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình.

- TCVN 7958:2017: Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới.

- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 104:2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

- 22TCN 211-06: Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCXDVN 259:2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.

- TCXDVN 333:2005: Thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 8700:2011: Về cống, bể, hầm, hố, rãnh và tủ đấu cáp viễn thông – yêu cầu kỹ thuật.

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 81.136.000.000 đồng *(Tám mươi mốt tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng).*

Trong đó:

Chi phí GPMB:	5.513.922.000	đồng
Chi phí xây dựng:	60.266.824.000	đồng
Chi phí thiết bị:	2.323.134.000	đồng
Chi phí QLDA:	1.582.378.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	4.393.861.000	đồng
Chi phí khác:	954.248.000	đồng
Chi phí dự phòng:	6.101.633.000	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 và vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư Chương trình MTQG: 64.136.000.0000 đồng;

- Vốn ngân sách tỉnh: 17.000.000.000 đồng.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn (theo thuyết minh dự án):

Năm	Vốn Chương trình MTQG và Ngân sách tỉnh (triệu đồng)	Tỷ lệ cho từng năm
Năm 2023	17.500	21,6% Tổng mức đầu tư
Năm 2024	47.400	58,4% Tổng mức đầu tư
Năm 2025	16.236	20% Tổng mức đầu tư
Tổng số:	**81.136**	**100% Tổng mức đầu tư**

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Dự án cần thu hồi giải phóng mặt bằng diện tích khoảng 8.200 m^2, trong đó diện tích đất trồng lúa cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khoảng 4.639 m^2.

14. Các nội dung khác: Theo Tờ trình số 167/TTr-SXD ngày 21/7/2023của Sở Xây dựng.

Điều 2.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính về tính chính xác của số liệu và chất lượng hồ sơ dự án; đồng thời, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về việc thẩm định hồ sơ dự án theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Thế, Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TH, TKCT;
  + Lưu: VT, XD.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Mai Sơn